

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2024

“Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Mãng, ông Tần A Sênh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Thái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Trang – Kiểm sát **H**.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Cà Thị T**, sinh năm: 1982 – *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

2. Bị đơn: anh **Lò Văn H1**, sinh năm 1974 – *Vắng mặt lần hai.*

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị **Cà Thị T** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Lò Văn H1** có đăng ký kết hôn vào ngày 03/07/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã trong đời sống hàng ngày, hai vợ chồng được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không thay đổi được. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **Lò Văn H1**.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu **Lò Văn Đ** – sinh ngày 01/10/2004 và cháu **Lò Thị H2** – sinh ngày 03/10/2005. Sau khi ly hôn về con chung cả hai cháu đã trên 18 tuổi đã thành niên và có đủ năng lực dân sự nên tôi không có đề nghị gì.

Về cấp dưỡng nuôi hai con chung do các cháu đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Vợ chồng tôi không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh **Lò Văn H1**: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt và lấy lời khai của anh **Lò Văn H1**. Nội dung biên bản lấy lời khai anh **H1** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị **Cà Thị T** có đăng ký kết hôn vào ngày 03/7/2001 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tôi không muốn ly hôn với chị **T** nhưng nếu vợ tôi kiên quyết ly hôn thì tôi không thể ép buộc chị phải sống cùng tôi, tôi đồng ý ly hôn với **Cà Thị T**, chị **T** có trách nhiệm bồi thường danh dự cho tôi.

Về con chung: Vợ chồng tôi có hai con chung là cháu **Lò Văn Đ** – sinh ngày 01/10/2004 và cháu **Lò Thị H2** – sinh ngày 03/10/2005. Sau khi ly hôn do các cháu đã thành niên có đủ trách nhiệm dân sự nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các cháu đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Vợ, chồng tôi không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và đơn khởi kiện của nguyên đơn (bản phô tô); Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.*

Về thủ tục Tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định về phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra báo cáo danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa.

Tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung: chị **T** và anh **H1** đã kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, sau kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn hiện nay không còn chăm sóc quan tâm đến nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm

a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, tuyên xử cho chị được ly hôn với anh **H1**.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Cả hai con chung của anh **H1**, chị **T** đã trên 18 tuổi có đầy đủ năng lực dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Chị **T**, anh **H1** không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung do cả hai cháu đã thành niên nên đề nghị HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị **Cà Thị T** là người dân tộc thiểu số sinh sống tại **xã K**, gia đình chị có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị miễn án phí dân sự về hôn nhân sơ thẩm cho chị **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Anh **Lò Văn H1** và chị **Cà Thị T** kết hôn hợp pháp. Chị **Cà Thị T** nộp đơn về việc: “Ly hôn”, tại Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đối với anh **Lò Văn H1**; địa chỉ: **bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu**. Chị **T** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **Cà Thị T** đề nghị được miễn án phí dân sự về hôn nhân sơ thẩm. Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ly hôn giữa chị **Cà Thị T**, anh **Lò Văn H1** đều cư trú tại **xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Tòa án tổng đạt các văn bản cho **Lò Văn H1**, anh **H1** được triệu tập hợp lệ tuy nhiên anh **H1** vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 1 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị **Cà Thị T** và anh **Lò Văn H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật, sau kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nên không còn hạnh phúc, cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị **T** giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H1**.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **H1**, chị **T** có hai con chung là cháu **Lò Văn Đ** – sinh ngày 01/10/2004 và cháu **Lò Thị H2** – sinh ngày 03/10/2005. Sau khi ly về con chung cả hai cháu đã trên 18 tuổi đã thành niên và có đủ năng lực dân sự nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện VKS huyện Sìn Hồ tại phiên Tòa là có cơ sở pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về Án phí: Chị **Cà Thị T** là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại **xã K**, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có đề nghị được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị **Cà Thị T** được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho chị **Cà Thị T** 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000568 ngày 25 tháng 12 năm 2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Cà Thị T**. Về quan hệ hôn nhân chị **Cà Thị T** được ly hôn với anh **Lò Văn H1**.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Anh **H1**, chị **T** có hai con chung là cháu **Lò Văn Đ** – sinh ngày 01/10/2004 và cháu **Lò Thị H2** – sinh ngày 03/10/2005. Anh **H1**, chị **T** không đề nghị Tòa án xem xét, các cháu đã thành niên và có đầy đủ năng lực, trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh **H1**, chị **T** không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Cà Thị T** được miễn án phí ly hôn về hôn nhân sơ thẩm trả lại cho chị **Cà Thị T** số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000568 ngày 25 tháng 12 năm 2023 mà chị **T** đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- Chi cục THADS huyện Sìn Hồ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

- UBND xã Nậm Cuối, huyện Sin Hồ,
tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Lê Minh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA